

THÁI ĐỘ THỰC HÀNH VỀ PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC LĨNH VỰC CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN TẠI MỘT SỐ TỈNH

TRẦN ĐẮC PHU, NGUYỄN BÍCH THÙY, DƯƠNG CHÍ NAM
Cục Quản lý Môi trường Y tế
TRỊNH HỮU VÁCH - Trung tâm N.c DS & SKNT

TÓM TẮT

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang nhằm tìm hiểu về thái độ và thực hành về phòng chống HIV/AIDS của người lao động thuộc lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn. Đối tượng nghiên cứu bao gồm tổng số 420 người lao động tại 6 tỉnh là Lào Cai, Điện Biên, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Trà Vinh và An Giang.

Kết quả điều tra cho thấy: 1) Thái độ phòng chống HIV/AIDS của người lao động thuộc lĩnh vực này là khá tốt, thể hiện qua tỷ lệ khá lớn đối tượng đồng ý với các biện pháp phòng lây nhiễm HIV và sẽ không e ngại khi xét nghiệm HIV tự nguyện để kiểm tra sức khỏe; còn khi trong đơn vị có người bị nhiễm HIV, họ vẫn sẽ tiếp xúc và chủ động giúp đỡ, đồng thời tìm cách bảo vệ mình; 2) Tuy nhiên, hành vi của một bộ phận cán bộ lại chưa thực sự đảm bảo về sự bảo vệ mình trước các nguy cơ lây nhiễm HIV: vẫn còn đến 50% đối tượng không sử dụng BCS trong lần QHTD gần nhất (kể cả với bạn tình bất chợt hay người bán dâm); 3,7% vẫn sử dụng chung BKT với người khác khi tiêm chích các loại thuốc nói chung.

Từ khóa: Phòng chống HIV/AIDS, lao động, nông thôn

SUMMARY

A cross-sectional descriptive study aims to explore the attitude and behaviour of workers in rural water supply sector on HIV/AIDS control and prevention. The study subjects included a total of 420 workers in 6 project provinces: Lao Cai, Dien Bien, Ninh Thuan, Dak Lak, Tra Vinh and An Giang. The study findings show that: 1) The attitude of interviewees on HIV/AIDS control and prevention was rather good that shows via the high rate of respondents who agreed with the prevention methods of HIV/AIDS transmission and would not be shy of voluntary HIV testing to check up their health status; and if there is a HIV infected person in their working place, they would continue to contact and initiatively to help him/her, concurrently to find the way how to protect themselves; 2) However, some of respondents exposed their unsafe behaviors to HIV transmission risks: still about 50% of respondents did not use condom in the last sex (including with their sudden partners or sex workers); 3.7% of those still shared syringe and needles with the others when injecting drugs in general.

Keywords: HIV/AIDS, workers, rural

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo số liệu báo cáo tích lũy cho đến ngày 30/9/2010, cả nước đã có 180.312 người nhiễm HIV/AIDS đang còn sống, trong đó có 42.339 bệnh nhân AIDS; và tổng số có 48.368 trường hợp đã tử vong liên quan đến AIDS. Cho đến nay, trên 74% số xã, phường và 97,8% số quận/huyện trong toàn quốc đã có báo cáo về người nhiễm HIV/AIDS [3].

Trong bối cảnh dịch HIV/AIDS đang lan rộng khắp cộng đồng như vậy, một trong số các hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được yêu cầu trong giai đoạn hiện nay là lồng ghép các biện pháp nhằm giảm thiểu sự lây lan của HIV/AIDS phù hợp với các hoạt động đặc thù, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc thuộc lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn [2]. Để góp phần xây dựng những hoạt động phòng chống HIV/AIDS này, chúng tôi đã tiến hành cuộc điều tra tìm hiểu **“Thái độ và thực hành về phòng chống HIV/AIDS của người lao động thuộc lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn tại một số tỉnh”**.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thời gian tiến hành nghiên cứu từ đầu tháng 11 đến hết tháng 12 năm 2010. Sử dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả qua điều tra định lượng tổng số 420 người lao động thuộc lĩnh vực cấp nước (bao gồm công nhân khảo sát thăm dò, công nhân xây dựng lắp đặt các công trình cấp nước) tại 6 tỉnh đã được sự hỗ trợ từ các nguồn viện trợ quốc tế là Lào Cai, Điện Biên, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Trà Vinh và An Giang. Như vậy, tại mỗi tỉnh sẽ điều tra 70 người bằng cách lập danh sách toàn bộ người lao động thường đi xây lắp tại các công trình và chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống từ danh sách này ra số đối tượng được phỏng vấn.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thái độ phòng chống HIV/AIDS

Bảng 1: Tỷ lệ đối tượng đồng ý với một số quan điểm liên quan đến HIV/AIDS

| Thông tin | n= | % |
|---|-----|------|
| QHTD chung thủy chỉ với 1 bạn tình làm giảm nguy cơ lây nhiễm HIV | 408 | 97,1 |
| Một người có thể nhiễm HIV nếu họ sử dụng nhà VS công cộng | 45 | 10,7 |
| Luôn sử dụng BCS đúng cách mỗi lần QHTD phòng lây nhiễm HIV | 416 | 99,0 |
| Muối hoặc côn trùng đốt có thể truyền HIV | 76 | 18,1 |
| Dùng chung BKT khi tiêm chích làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV | 410 | 97,6 |
| Tiếp xúc thông thường với người có HIV có thể nhiễm HIV | 24 | 5,7 |
| Mọi người đều có thể bị nhiễm HIV | 293 | 69,8 |

| Thông tin | n=420 | % |
|---|-------|------|
| Một người trông hoàn toàn khỏe mạnh có thể bị nhiễm HIV | 361 | 86,0 |
| Sữa người mẹ bị HIV có thể lây nhiễm cho con | 222 | 52,9 |

Kết quả bảng trên cho thấy đa phần người lao động đã có thái độ đúng đắn đối với việc phòng chống HIV/AIDS, thể hiện qua tỷ lệ đồng ý với các quan điểm sau khá cao, như: Luôn sử dụng BCS đúng cách mỗi lần QHTD phòng lây nhiễm HIV (99,0%), Dùng chung BKT khi tiêm chích làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV (97,6%) và QHTD chung thủy chỉ với một bạn tình làm giảm nguy cơ lây nhiễm HIV (97,1%); 86,0% đồng ý với quan điểm Một người trông hoàn toàn khỏe mạnh có thể bị nhiễm HIV và 69,8% cho rằng Mọi người đều có thể bị nhiễm HIV . Tuy nhiên, vẫn còn một số người có thái độ sai lệch, như: 18,1% đồng ý rằng Muối hoặc còn trùng đốt có thể truyền HIV , 10,7% cho rằng Một người có thể nhiễm HIV nếu họ sử dụng nhà vệ sinh công cộng và 5,7% cho rằng Tiếp xúc thông thường (bắt tay, ôm, hôn,) với người có HIV thì có thể nhiễm HIV . Cũng gần một nửa đối tượng nghiên cứu có cho rằng việc cho con bú ở những bà mẹ nhiễm HIV sẽ không ảnh hưởng gì đến người con.

Bảng 2: Thái độ của đối tượng đối với việc đi xét nghiệm HIV/AIDS để kiểm tra sức khỏe

| Thông tin | n=420 | % |
|----------------|-------|------|
| E ngại | 28 | 6,7 |
| Không e ngại | 391 | 93,1 |
| Không biết/KTL | 1 | 0,2 |

Xét nghiệm HIV/AIDS là một việc làm cần thiết để đảm bảo sức khỏe của mỗi cá nhân và cho cả cộng đồng, đặc biệt đối với những người làm công việc lưu động [1]. Kết quả cũng cho thấy có tới 93,1% số người có thái độ hoàn toàn không e ngại đi xét nghiệm HIV tự nguyện để kiểm tra sức khỏe. Còn 6,7% vẫn cảm thấy e ngại nếu phải đi xét nghiệm HIV/AIDS.

Bảng 3: Thái độ của đối tượng khi trong đơn vị có người bị HIV (+)

| Thông tin | n=420 | % |
|---|-------|------|
| Tránh xa người đó | 10 | 2,4 |
| Có tiếp xúc với người đó và tìm cách bảo vệ mình | 286 | 68,1 |
| Chủ động giúp đỡ người đó và tìm cách bảo vệ mình | 58 | 13,8 |
| Không trả lời | 52 | 12,4 |
| Khác | 14 | 3,3 |

Bất kỳ ai cũng đều có thể phòng tránh được việc nhiễm HIV nếu có những hành vi đúng đắn. Hoàn toàn không cần phải kỳ thị hay xa lánh người nhiễm HIV mới là bảo vệ được mình. Ngược lại, càng nên tạo điều kiện để người nhiễm HIV hòa nhập với cuộc sống cộng đồng, giúp họ có thái độ lạc quan và chủ động phòng tránh cho người khác. Đối với người lao động làm việc thuộc lĩnh vực cấp nước nông thôn, quan điểm tích cực này cũng đã được thể hiện ở đa số: 68,1% tự tin trả lời rằng vẫn sẽ tiếp xúc với người bị nhiễm HIV và tìm cách bảo vệ mình ; 13,8% sẽ

chủ động giúp đỡ người đó và tìm cách bảo vệ mình nếu trong đơn vị có người bị nhiễm HIV.

2. Hành vi chống HIV/AIDS

Bảng 4: Tỷ lệ đối tượng đã từng sử dụng BCS khi QHTD

| Thông tin (tỉnh) | n | % |
|------------------|-----|------|
| Đắk Lắk | 47 | 67,1 |
| An Giang | 40 | 57,1 |
| Ninh Thuận | 39 | 55,7 |
| Lào Cai | 38 | 54,3 |
| Điện Biên | 34 | 48,6 |
| Trà Vinh | 34 | 48,6 |
| Tổng | 232 | 55,2 |

Sử dụng BCS khi QHTD là một biện pháp phòng ngừa HIV đơn giản và hiệu quả. Khi được hỏi về việc đã từng sử dụng BCS khi QHTD hay chưa , tỷ lệ người lao động làm việc thuộc lĩnh vực cấp nước tại 6 tỉnh trả lời có là 55,2%, trong đó cao nhất ở tỉnh Đắk Lắk (67,1%); thấp nhất ở tỉnh Điện Biên và Trà Vinh (cùng 48,6%).

Bảng 5: Tỷ lệ đối tượng sử dụng BCS trong lần QHTD gần đây nhất

| Thông tin | n=420 | % |
|-----------------------------|-------|------|
| Đối tượng QHTD gần đây nhất | | |
| Vợ/chồng/người yêu | 400 | 95,3 |
| Bạn tình bất chợt | 13 | 3,0 |
| Không trả lời | 7 | 1,7 |
| Tỷ lệ có sử dụng BCS | 212 | 50,4 |

Hầu hết lần QHTD gần đây nhất của các đối tượng là với vợ/chồng/người yêu (95,3%), chỉ có 13 đối tượng (3,0%) cho rằng lần gần đây nhất mình có QHTD với bạn tình bất chợt, 4 đối tượng (1,7%) không trả lời.

Tuy nhiên, trong số những người có QHTD nói chung, trong đó có cả những người quan hệ tình dục với bạn tình bất chợt hay người mua/bán dâm, chỉ có 50% đối tượng đã sử dụng BCS.

Bảng 6: Tỷ lệ đối tượng đã từng tiêm/chích các loại thuốc chữa bệnh thông thường

| Thông tin | n=420 | % |
|--------------------|-------|------|
| Có | 328 | 78,1 |
| Không | 92 | 21,9 |
| Tỷ lệ SD chung BKT | 16 | 3,7 |

Hiện nay, việc tiêm chích bất kỳ loại thuốc nào cũng đã có quy định phải sử dụng riêng BKT cho mỗi người/một lần tiêm. Đây là một hiểu biết tối thiểu, đặc biệt rất có ý nghĩa trong việc phòng ngừa việc các bệnh lây truyền qua đường máu, trong đó có HIV [4]. Vậy nhưng trong kết quả nghiên cứu cho thấy trong số những người đã tiêm/chích nói chung, 3,7% đối tượng vẫn sử dụng chung BKT với người khác. Con số này tuy nhỏ nhưng đáng phải quan tâm, là một cảnh báo về sự lây truyền các bệnh xã hội nguy hiểm mà nếu có sự hiểu biết và hành vi đúng đắn, con người hoàn toàn có thể phòng ngừa được. Qua đó cũng cho thấy sự cần thiết phải phổ biến kiến thức về bảo vệ sức khỏe cho cán bộ công nhân ngành nước.

KẾT LUẬN

Kết quả điều tra cho thấy thái độ phòng chống HIV/AIDS của người lao động làm việc thuộc lĩnh vực

cấp nước là khá tốt, nhưng hành vi lại chưa thực sự đảm bảo về sự bảo vệ mình trước các nguy cơ lây nhiễm HIV.

1. Tỷ lệ khá lớn đối tượng đồng ý với các biện pháp phòng lây nhiễm HIV: Luôn sử dụng BCS đúng cách khi QHTD (99,0%); Không dùng chung BKT khi tiêm chích (97,6%). Đa số cán bộ công nhân ngành nước (93,1%) cũng sẽ không e ngại khi làm xét nghiệm HIV tự nguyện để kiểm tra sức khỏe. 68,1% vẫn sẽ tiếp xúc với người bị nhiễm HIV và 13,8% sẽ chủ động giúp đỡ người đó và tìm cách bảo vệ mình khi trong đơn vị có người bị nhiễm HIV.

2. Trong số những người có QHTD nói chung, kể cả với bạn tình bất chợt hay người mua/bán dâm, chỉ có 50% đối tượng đã sử dụng BCS. Còn đến 3,7% bộ phận người lao động vẫn sử dụng chung BKT với người khác khi tiêm chích các loại thuốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế, Cục Phòng chống HIV/AIDS (2009), Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020.

2. Dự thảo Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Giai đoạn 2006 2010).

3. Mạng Thông tin Nghiên cứu HIV Việt Nam. Dự án Reach - Tổng cục Dân số, Kế hoạch hoá Gia đình - Bộ Y tế (2011), <http://aids.vn/AIDS/>

4. Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng Viện Xã hội học Việt Nam: *Ô nhiễm giết chết - e dự ỹn phĐng lây nhiĐm HIV tại Việt Nam, 5/2009.*